

KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SINH KẾ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TẠI CÁC TỈNH VEN BIỂN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

● PHAN KHÁNH DƯƠNG

TÓM TẮT:

Được sự đầu tư của Nhà nước và của cộng đồng, trong những năm vừa qua, ngành Thủy sản nói chung và lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (NTTS) nói riêng tại các tỉnh ven biển đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) liên tục phát triển cả về quy mô, hiệu quả kinh tế, tạo ra việc làm cho người lao động. Với chính sách phát triển kinh tế theo hướng biển, dựa trên thế mạnh là diện tích mặt nước rộng, tài nguyên sinh vật phong phú, đa dạng, ngành nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh ven biển ĐBSH ngày càng khẳng định được vai trò của mình trong nền kinh tế. Bài viết đề cập tới 2 khía cạnh là thực trạng sinh kế NTTS và một số giải pháp để phát triển sinh kế NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH.

Từ khóa: nuôi trồng thủy sản, tỉnh ven biển, đồng bằng sông Hồng, thủy sản.

1. Khái quát thực trạng NTTS tại các tỉnh ven biển đồng bằng sông Hồng

1.1. Diện tích, đối tượng, sản lượng NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH

Diện tích NTTS: Diện tích NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH tăng đều qua các năm nhất là diện tích nước mặn, lợ, còn diện tích nước ngọt có tăng, nhưng chậm hơn. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2018, tốc độ tăng trung bình về diện tích NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH đạt 2%/năm; diện tích NTTS nước ngọt tăng trung bình

1,96%/năm; diện tích NTTS nước mặn tăng trung bình 8,5%/năm. Tính đến năm 2019, diện tích NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH là 58,3 nghìn héc ta, tăng khoảng 1% so với năm 2018 (56,9 nghìn héc ta). Diện tích NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH dựa trên đối tượng nuôi trồng cũng có những thay đổi. Trong giai đoạn 2015 - 2018, diện tích nuôi cá tăng 1,9%; diện tích nuôi tôm tăng 0,6%; diện tích nuôi các loại thủy sản khác tăng 4,3% (Nguồn: Niên giám thống kê của các tỉnh năm 2018). Tuy nhiên, diện tích NTTS dựa trên

đối tượng nuôi phụ thuộc nhiều vào quyết định lựa chọn đối tượng nuôi của các hộ sản xuất (phụ thuộc vào nhu cầu của thị trường, giá trị sản xuất, giá bán, điều kiện tài chính...). Dựa trên lợi thế địa lý, nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh ven biển ĐBSH phát triển trên cả 3 loại hình mặt nước là: nước ngọt, nước mặn, nước lợ. Phương thức NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH bao gồm: nuôi thâm canh, bán thâm canh, quảng canh và quảng canh cải tiến.

Đối tượng nuôi trồng: Tính đến năm 2018, các tỉnh trong khu vực nghiên cứu có 553 trang trại nuôi trồng thủy sản. Trong đó, số trang trại nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh lần lượt là: Thái Bình: 263, Nam Định: 222, Hải Phòng: 53, Ninh Bình: 15. Đối tượng nuôi chủ yếu được lựa chọn là cá, tôm và một số loại thủy sản khác như ngao, vẹm. Một số đối tượng nuôi khác như cua biển, cá bống bóp, cá song, cá vược, cá chim biển vây vàng... cũng đem lại giá trị kinh tế cao và đang được mở rộng diện tích nuôi ở các khu nước mặn, nước lợ. Đối với thủy sản nước ngọt, việc nuôi trồng vẫn duy trì được sự ổn định về diện tích cũng như sản lượng. Hoạt động nuôi cá nước ngọt (cá trắm, chép, rô phi) truyền thống cho hiệu quả kinh tế khá. Mặc dù thu nhập thấp hơn so với các hộ nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nhưng bù lại, nuôi trồng thủy sản nước ngọt ít rủi ro, sản phẩm được thu hoạch và nuôi mới quanh năm, thị trường ổn định. Trong những năm gần đây có sự dịch chuyển về cơ cấu đối tượng nuôi, từ nuôi cá chuyển sang nuôi tôm và các loại thủy sản khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Sản lượng nuôi trồng: Sản lượng thủy sản nuôi trồng tại các tỉnh ven biển ĐBSH liên tục tăng trong những năm vừa qua. Sản lượng NTTS năm 2018 đã tăng 2,05 lần (205%), đạt mức 353.539 tấn so với năm 2010, (sau 10 năm thực hiện Chương trình phát triển NTTS đến năm 2020, sản lượng là 173.818 tấn). Trong đó, tỉnh có tỉ lệ tăng cao nhất là Ninh Bình (272,7%), thấp nhất là Hải Phòng (158,4%) (Nguồn: Tính từ Niên giám thống kê các tỉnh năm 2018). Giai đoạn 2015 - 2018, tốc

độ tăng trưởng về sản lượng NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH trung bình đạt 8,6%/năm. Sản lượng NTTS nước ngọt tăng 5,9%/năm; nước lợ tăng 8,2%/năm; nước mặn tăng 9,6%/năm. Sản lượng cá tăng 6,4%/năm; tôm tăng 11,5%/năm; các loại thủy sản khác tăng 10,8%/năm (Nguồn: Tính từ Niên giám thống kê các tỉnh năm 2018). Sự gia tăng về sản lượng đã đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Sản lượng tăng còn là cơ sở để góp phần tăng thêm thu nhập cho người dân, cải thiện đời sống nhân dân, đóng góp vào GDP của toàn ngành, góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế của các tỉnh.

Thu nhập từ hoạt động nuôi trồng thủy sản: Trung bình thu nhập của các hộ NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH năm 2018 là 273 triệu đồng/hộ; thu nhập trung bình đầu người là 65,26 triệu đồng/người. Cao nhất trong số các loại hình sinh kế chính (nông nghiệp: 53,75 triệu đồng/hộ; làm muối: 29,33 triệu đồng/hộ; khai thác thủy sản 228 triệu đồng/hộ) (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh các tỉnh 2018). Thu nhập từ NTTS đã trở thành nguồn thu nhập chính của nhiều cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp. Thu nhập cao cũng tạo điều kiện cho các hộ gia đình có thêm vốn để tái đầu tư, quay vòng, mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và thu hút thêm nhiều lao động.

1.2. Một số khó khăn đối với hoạt động NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH

Mặc dù là hoạt động sinh kế đem lại hiệu quả cao, nhưng NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH cũng còn gặp nhiều khó khăn, gây ảnh hưởng tới sự phát triển. Tác động của biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ gia tăng; lượng mưa thay đổi đột ngột hoặc độ mặn của nước tăng, giảm đột ngột; các cơn bão lớn, hạn hán, xâm nhập mặn... dẫn tới dịch bệnh, gây hư hỏng trang thiết bị... ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả NTTS. Bên cạnh đó, nuôi trồng thủy sản đòi hỏi phải có vốn đầu tư lớn. Ngoài tiền mua đất và đầu tư xây dựng ban đầu, giá nguyên liệu trong quá trình nuôi trồng thủy sản khá đắt và có xu hướng tăng gây ra khó khăn

cho các hộ gia đình. Chi phí theo các vụ nuôi để sửa chữa dụng cụ sản xuất, mua giống và mua thức ăn cho đối tượng nuôi cũng là những khoản chi thường xuyên mà người dân nuôi trồng thủy sản phải quan tâm. Sự hạn chế trong việc tiếp cận thông tin thị trường của người dân nuôi trồng thủy sản làm cho tình trạng mất cân bằng cung - cầu trở nên trầm trọng hơn. Sự bùng phát cả về diện tích sản xuất lẫn sản lượng khiến cho việc tìm đầu ra của sản phẩm đối với các hộ nuôi trở nên ngày càng khó khăn.

2. Một số giải pháp phát triển sinh kế NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH

Để phát triển sinh kế NTTS theo hướng bền vững, các tỉnh ven biển ĐBSH cần quan tâm nâng cao chất lượng các nguồn vốn sinh kế NTTS gồm: nguồn vốn tự nhiên, nguồn vốn con người, nguồn vốn vật chất, nguồn vốn tài chính và nguồn vốn xã hội.

2.1. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn tự nhiên

Nâng cao hiệu quả sử dụng đất và diện tích mặt nước NTTS. Để sử dụng hiệu quả các loại đất, mặt nước để sản xuất, các tỉnh ven biển ĐBSH cần rà soát chỉnh sửa và xây dựng chính sách sử dụng đất, mặt nước NTTS phù hợp với thực tế sản xuất. Các tỉnh ven biển ĐBSH cần phải có quy hoạch sử dụng đất trong những năm tiếp theo, có thể là giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 hoặc đến năm 2030. Đồng thời trong quá trình thực hiện, cần có những điều chỉnh phù hợp với thực trạng NTTS theo từng năm.

Nâng cao chất lượng nguồn nước NTTS. Nguồn nước đóng vai trò quan trọng trong hoạt động NTTS không chỉ ở các tỉnh ven biển ĐBSH mà ở tất cả các khu vực có hoạt động NTTS nói chung. Sơ Tài nguyên và Môi trường các tỉnh ven biển ĐBSH cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Khí tượng thủy văn... để có những dự báo chính xác và xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử

dụng nguồn nước trong từng năm. Áp dụng khoa học công nghệ trong việc kiểm soát, giám sát chất lượng nguồn nước để dự báo diễn biến môi trường nuôi cũng như dịch bệnh có thể phát sinh; ứng dụng các mô hình công nghệ xử lý chất thải NTTS thích hợp, như: xử lý chất thải bùn thải, xử lý khử trùng nước thải trước lúc thải ra.

Nâng cao chất lượng giống (đối tượng) nuôi trồng. Nâng cao khả năng nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản tại địa phương để đủ điều kiện nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo giống mới, nhập giống mới đáp ứng cho việc bảo tồn giống gốc, sản xuất giống có chất lượng cao để cung cấp cho hộ nuôi trồng. Thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí vận chuyển giống thủy sản tới các vùng núi, vùng sâu, vùng xa.

Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn tự nhiên hướng tới mục tiêu: Tăng cường hiệu quả sử dụng diện tích đất, diện tích mặt nước NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH. Áp dụng khoa học công nghệ mới, tiên tiến để có những chính sách, quy hoạch, chuyển đổi và kiểm soát mục đích sử dụng đất, nguồn nước; điều chỉnh các vùng nuôi trồng, phương thức nuôi trồng, giống nuôi trồng...

2.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn con người

Nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kỹ thuật. Các tỉnh ven biển ĐBSH cần rà soát lại đội ngũ cán bộ cũ về quản lý lẫn chuyên môn, cần có quy hoạch, cơ cấu cán bộ theo hướng đúng người, đúng chuyên môn, đúng với yêu cầu quản lý và sản xuất thực tế. Hỗ trợ đào tạo cán bộ có chuyên môn sâu về các lĩnh vực phục vụ phát triển NTTS.

Tăng cường trình độ học vấn, kỹ năng sản xuất, sức khỏe của người dân tham gia hoạt động NTTS. Các tỉnh ven biển ĐBSH cần quan tâm hỗ trợ đào tạo kỹ năng sản xuất của lực lượng lao động; có chính sách thu hút lao động chất lượng cao tham gia sản xuất trong lĩnh vực NTTS. Các tỉnh ven biển ĐBSH cũng cần quan tâm tới những

vấn đề về sức khỏe ảnh hưởng đến khả năng sản xuất và năng lực tài chính của cá nhân, hộ gia đình nói riêng và cộng đồng dân cư NTTS nói chung.

Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn nhân lực, bài viết hướng tới các mục tiêu: Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật trong lĩnh vực NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH. Nâng cao chất lượng, trình độ kỹ thuật, sức khỏe của người dân tham gia nuôi trồng thủy sản tại các tỉnh ven biển ĐBSH.

2.3. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn vật chất

Các tỉnh ven biển ĐBSH cần rà soát lại hệ thống giao thông liên tỉnh, các tuyến đường cao tốc qua các huyện ven biển của tỉnh. Từ đó, đánh giá hiện trạng sử dụng và lên phương án xây mới hoặc sửa chữa phù hợp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất, vận tải, tạo sự thuận lợi cho việc phân phối sản phẩm NTTS trong toàn tỉnh, toàn vùng. Kiểm tra, đánh giá tình trạng của hệ thống thủy lợi, đặc biệt là hệ thống đê, cống, nâng cao hiệu quả trong việc phân phối, điều tiết nguồn nước, ngăn mặn. Đầu tư nâng cấp, thay mới các trang thiết bị cũ, hỏng, kém chính xác tại các trạm quan trắc, trạm khí tượng, trạm bơm tại địa phương. Tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và xây dựng mới cơ sở hạ tầng đồng bộ phục vụ NTTS: tập trung cải tạo, xây mới hệ thống Trung tâm kiểm nghiệm, khảo nghiệm và thử nghiệm nhằm tham chiếu và tham gia các hoạt động quan trắc, cảnh báo môi trường, kiểm tra, giám sát chất lượng và điều kiện sản xuất kinh doanh về giống, vùng nuôi tập trung, thức ăn và chế phẩm sinh học, cải tạo môi trường....

Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn vật chất hướng tới các mục tiêu: Nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH; sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng vốn có, xây dựng mới các cơ sở hạ tầng mới với mục đích phục vụ NTTS có hiệu quả, không chỉ về mặt sản xuất mà còn về phân phối sản phẩm và bảo vệ môi trường. Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn

vật chất của các hộ NTTS phù hợp với điều kiện hộ gia đình theo hướng phù hợp và tiết kiệm.

2.4. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn xã hội

Một là, nâng cao vai trò quản lý trong lĩnh vực NTTS. Các tỉnh ven biển ĐBSH cần đảm bảo sự thông suốt về chính sách phát triển NTTS tại địa phương, có cơ chế quản lý và khuyến khích các hoạt động sản xuất NTTS. Tăng cường rà soát việc thực hiện các chính sách về NTTS của Nhà nước, của tỉnh để đảm bảo có sự hỗ trợ kịp thời cho các hộ gia đình, doanh nghiệp.

Hai là, tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội. Các tổ chức như Hội Phụ nữ, Hội Khuyến nông, Mặt trận Tổ quốc đóng vai trò tích cực trong việc tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, của tỉnh. Cần đảm bảo thông tin đến với cộng đồng nhanh và chính xác. Cần tăng cường kết nối về mặt thông tin ở các cấp độ: các thành viên trong gia đình, các hộ gia đình với nhau, hộ gia đình với các tổ chức xã hội, đảm bảo an ninh trật tự xã hội trong cộng đồng.

Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn xã hội hướng tới mục tiêu: nâng cao sự liên kết cộng đồng trong hoạt động NTTS ở các cấp độ: chính quyền - cộng đồng; tổ chức xã hội - cộng đồng; cộng đồng - cộng đồng. Thông qua việc tăng cường các mối liên kết này tạo ra sự đồng thuận xã hội, nâng cao kiến thức cộng đồng về NTTS.

2.5. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn tài chính

Thứ nhất, cần tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài. Các tỉnh ven biển ĐBSH có thể thu hút đầu tư nước ngoài FDI vào lĩnh vực NTTS và sản xuất giống, các dự án hỗ trợ phát triển..., tư vấn trợ giúp kỹ thuật, tư vấn đào tạo, nhập các công nghệ mới, chuyển giao công nghệ về NTTS.

Thứ hai, phân phối nguồn lực tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế. Mọi nhu cầu về tài chính để

đầu tư nâng cao các nguồn vốn tự nhiên, vốn con người, vốn vật chất, vốn xã hội phục vụ NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH cần được rà soát cụ thể và xây dựng phương án phân phối nguồn vốn tài chính cụ thể.

Thứ ba, tạo điều kiện thuận lợi để các hộ gia đình tiếp cận với nguồn vốn tài chính. Để hỗ trợ các cộng đồng dân cư NTTS trong việc tiếp cận vốn tài chính, các tỉnh ven biển ĐBSH cần xây dựng, rà soát, chỉnh sửa các cơ chế chính sách, đơn giản các thủ tục cho vay vốn dài hạn, ngắn hạn với lãi suất thích hợp để đầu tư phát triển NTTS.

Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn vốn tài chính hướng tới mục tiêu: Thu hút vốn từ các thành phần kinh tế, nhất là từ các nhà đầu tư nước ngoài (là thành phần có tiềm năng) để đầu tư phát triển NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH. Phân phối nguồn vốn tài chính hợp lý, phục vụ tối đa cho phát triển NTTS. Nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tài chính của các hộ NTTS.

3. Kết luận

Nhìn chung, các nhóm giải pháp phát triển sinh kế bền vững trong NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH cần được thực hiện một cách đồng bộ, có sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế và các cấp quản lý. Các nhóm giải pháp mà chúng tôi đề xuất, cơ bản là tập trung vào nâng cao chất lượng tài sản sinh kế trong NTTS. Việc nâng cao chất lượng tài sản sinh kế NTTS, trong mối quan hệ giữa các thành phần của sinh kế bền vững, là yếu tố quyết định tới việc bảo đảm duy trì năng lực tài sản trong NTTS của các tỉnh, của các hộ gia đình. Từ đó, đảm bảo lợi ích về kinh tế cho các hộ gia đình NTTS, cũng như đóng góp giá trị kinh tế cho các tỉnh ven biển ĐBSH. Hơn nữa, khả năng đối mặt với những biến động (của môi trường tự nhiên và xã hội) của cộng đồng dân cư NTTS cũng như lĩnh vực NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH được nâng cao. Như vậy, NTTS tại các tỉnh ven biển ĐBSH mới có thể phát triển theo hướng bền vững ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trung tâm Tin học - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012). Vị trí của ngành Thủy sản trong nền kinh tế quốc dân. https://www2.hcmuaf.edu.vn/data/file/NVTU/Thuy%20San%20Dai%20Cuong/Tai%20lieu%20doc%20them/1_%20Vi%20tri%20cua%20nganh%20TSTS%20trong%20nen%20kinh%20te%20quoc%20dan.pdf.
2. Chính phủ (2013). *Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 16/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn 2030.*
3. Trung tâm Chính sách và Kỹ thuật phòng chống thiên tai (2016). *Kiến thức cơ bản về xâm nhập mặn.*
4. Nguyễn Huy Điền (2006). *Đánh giá hoạt động khuyến ngư về chuyển giao công nghệ phục vụ phát triển thủy sản ở Việt Nam.* Trung tâm Khuyến ngư Quốc gia.
5. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê năm 2018.* Nxb Thống kê, Hà Nội.
6. Tổng cục Thống kê (2019). *Niên giám thống kê năm 2019.* Nxb Thống kê, Hà Nội.
7. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê tỉnh Hải Phòng năm 2018.* Nxb Thống kê, Hà Nội.
8. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê tỉnh Nam Định năm 2018.* Nxb Thống kê, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê tỉnh Thái Bình năm 2018.* Nxb Thống kê, Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2018). *Niên giám thống kê tỉnh Ninh Bình năm 2018.* Nxb Thống kê, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 3/3/2021

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/4/2021

Ngày chấp nhận đăng bài: 20/4/2021

Thông tin tác giả:

PHAN KHÁNH DƯƠNG

Khoa Luật - Học viện Khoa học Xã hội

**THE CURRENT AQUACULTURE LIVELIHOODS
AND SOME SOLUTIONS TO IMPROVE THE AQUACULTURE
LIVELIHOODS IN THE COASTAL PROVINCES
OF THE RED RIVER DELTA**

● **PHAN KHANH DUONG**

Faculty of Law,

Graduate Academy of Social Sciences

ABSTRACT:

Thanks to the investment from the Government of Vietnam and communities, the fisheries industry in general and the aquaculture sector in particular in the coastal provinces of the Red River Delta have gained achievements in terms of development scale, economic efficiency, and job creation. With the orientation of ocean-based economic development and taking advantage of large water surface area, rich and diverse biological resources, the aquaculture sector in the coastal provinces of the Red River Delta has increasingly affirmed its economic role. This paper presents the current aquaculture livelihoods and proposes some solutions to improve the aquaculture livelihoods in the coastal provinces of the Red River Delta.

Keywords: aquaculture, coastal province, Red River Delta, aquaculture.